

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H
TỈNH K. T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02/2022

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Mỹ X

2. Ông Vũ Minh T

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm: 1970. Vắng mặt có lý do. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 7, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm: 1972. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Thu V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Nh, huyện S. Th, tỉnh K. T vào ngày 05/01/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 01/02/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không còn tiếng nói chung, làm ăn kinh tế bị thất bại, bà V có nhiều lần xúc phạm và sỉ nhục ông T. Ông T đã bỏ nhà đi hai lần, vợ chồng sống ly thân với nhau đã nhiều năm. Vợ chồng đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông T và bà Vân có 03 con chung: Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 23/5/1993; Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 26/01/1995 và Võ Thị Ng, sinh ngày: 08/01/1997. Các con chung đã trưởng thành, tự lập được nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ. H tiến hành làm việc và lấy lời khai của bà Phạm Thị Thu V, bà V trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu V và ông Võ Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 1992, cả hai đều tự nguyện kết hôn, không ai bị ép buộc, có tổ chức đám cưới vào năm 1992. Sau khi cưới chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với các con chung, ngoài ra ông T còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hai vợ chồng đã sống ly thân được ba năm, tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông T làm đơn xin ly hôn với bà V, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông T và bà V có 03 con chung: Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 23/5/1993; Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 26/01/1995 và Võ Thị Ng, sinh ngày: 08/01/1997. Các con chung đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:

****Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*** Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

****Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:*** Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

****Về nội dung vụ án:*** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị Thu V.

Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận có 03 con chung, các con chung đã tự lập và trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với và Phạm Thị Thu V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Xin ly hôn*”. Bị đơn bà Phạm Thị Thu V cư trú tại Thôn 7, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị Thu V có mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Đ. H tổng đạt hợp lệ cho bà V các văn bản tố tụng. Ngày 30 tháng 12 năm 2021 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng phiên tòa lần 1 vào ngày 19/01/2022 phải hoãn vì vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Thu V. Tại phiên tòa hôm nay ngày 18/02/2022, bà V vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Đối với nguyên đơn, trước phiên tòa hôm nay ngày 11/02/2022, anh Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc phải đi xa không tham gia phiên tòa hôm nay được và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: ông Võ Văn T xin được ly hôn với bà Phạm Thị Thu V; về con chung: có 03 con chung: Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 23/5/1993; Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 26/01/1995 và Võ Thị Ng, sinh ngày: 08/01/1997. Các con chung đã trưởng thành, tự lập được nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Thu V kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Nh, huyện S.Th, tỉnh K. T vào ngày 05/01/1992 là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Thu V là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu rạn nứt tình cảm vì bất đồng quan điểm sống, cả hai bên đã không còn sự tôn trọng với nhau dẫn đến tình trạng cãi vã, ông T có đánh đập bà V, phá hoại đồ đạc trong nhà, không còn quan tâm đến gia đình. Ông T, bà V đã sống ly thân được ba năm nay. Qua xác minh các con chung của ông T và bà V là chị Võ Thị Thanh Th và chị Võ Thị Ng (bút lục 30) thấy rằng tình cảm của ông T, bà V không còn, không ai quan tâm đến nhau, không thể tiếp tục mối quan hệ. Nhận thấy, ông T và bà V không còn tình cảm và quan

tâm nhau, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Võ Văn T.

[2.2] *Về con chung*: Ông T và bà V đều thừa nhận có 03 con chung: Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 23/5/1993; Võ Thị Thanh Th, sinh ngày: 26/01/1995 và Võ Thị Ng, sinh ngày: 08/01/1997. Các con chung đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; Điều 18; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị Thu V.

2. Về con chung: Các con chung đã tự lập, trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001558 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đ.N;
- TAND Tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quách Văn N